

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SA ĐÉC
TỈNH ĐỒNG THÁP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 09/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 02-02-2021
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuấn Em.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Thái Thế.

2. Bà Cao Thị Diệu Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thanh Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Lê Tiến Trung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 306/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Ngọc H, sinh năm: 19XX.

Địa chỉ: Số B, ấp T, xã Đ, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Anh Trần Minh P, sinh năm: 19YY.

Địa chỉ: Số B, ấp T, xã Đ, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Nơi ở hiện nay: Số E, Khóm C, Phường D, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Chị Lê Thị Ngọc H có mặt tại phiên tòa. Anh Trần Minh P vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc H trình bày:

- Về hôn nhân: Chị H và anh P quen và tự tìm hiểu nhau từ năm 2008, đến năm 2009 tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 22/8/2009 tại UBND Phường D, thành phố S, có tổ chức đám cưới ngày 29/8/2009. Sau khi cưới chị H, anh P thuê nhà trọ sống riêng, đến năm 2013 chị H, anh P về sống chung tại nhà mẹ ruột của chị H tại xã Đ, thành phố S.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng cuối năm 2013 thì giữa chị H và anh P phát sinh mâu thuẫn như thường xuyên cãi nhau, có những lời lẽ xúc phạm nhau, có lúc đánh nhau, anh P không phụ giúp chị H trong công việc gia đình, rất ít chăm sóc con, tính tình chị H và anh P không hợp nhau. Chị H và anh P sống ly thân với nhau từ tháng 9/2019 và không còn quan tâm chăm sóc, lo lắng cho nhau đến nay.

Hiện nay chị H không còn tình cảm thương yêu anh P, mâu thuẫn giữa vợ chồng không thể hàn gắn nên yêu cầu ly hôn anh P. Chị H không thể đoàn tụ sống chung vợ chồng với anh P.

- Về nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình chung sống có 02 con chung tên Trần Vũ Phương N, sinh ngày 17/7/2013 và Trần Vũ Phương A, sinh ngày 07/01/2016; hiện 02 con đang sống chung với chị H. Khi ly hôn chị H yêu cầu được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng hai con, chị H yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 2.000.000đồng/tháng.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Chị H xác định là không có, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Ngoài ra, chị H không có yêu cầu gì khác.

*** Bị đơn anh Trần Minh P có đơn yêu cầu giải quyết vụ kiện vắng mặt, có lời khai trình bày ý kiến:**

- Về hôn nhân: Anh P thống nhất với phần trình bày của chị H về thời gian quen nhau, tự tìm hiểu nhau, tổ chức đám cưới, đăng ký kết hôn, thời gian sống chung. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng cuối năm 2013 thì giữa anh P và chị H phát sinh mâu thuẫn như thỉnh thoảng cãi nhau, có những lời lẽ xúc phạm nhau, có đánh nhau một lần vào năm 2016 và một lần vào năm 2019. Từ năm 2018 đến nay do anh P đi làm xa nên không phụ giúp nhiều cho chị H công việc gia đình, chăm sóc con, công việc làm ăn của anh P khó khăn nên không phụ giúp kinh tế được nhiều cho gia đình. Anh P và chị H sống ly thân với nhau từ tháng 9/2019 đến nay, do công việc nên anh P có ít thời gian quan tâm chăm sóc, lo lắng cho chị H.

Anh P nhận thấy còn tình cảm thương yêu chị H, anh P muốn đoàn tụ sống chung vợ chồng với chị H.

- Về nuôi con chung: Có hai con chung tên Trần Vũ Phương N, sinh ngày 17/7/2013 và Trần Vũ Phương A, sinh ngày 07/01/2016; hiện hai con đang sống chung với chị H. Trường hợp ly hôn, anh P đồng ý giao hai cháu Trần Vũ Phương N và Trần Vũ Phương A cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng hai con, anh P tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 2.000.000đồng/tháng.

- Về chia tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:**

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về Hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Ngọc H.

- Về nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của anh P về việc nuôi con chung sau ly hôn, cụ thể như sau: Chị H được quyền nuôi dưỡng 02 con chung tên Trần Vũ Phương N và Trần Vũ Phương A. Anh P tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi cháu 2.000.000đồng/tháng. Anh P có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom 02 con chung, không ai được cản trở.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc H khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Trần Minh P là loại vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Anh Trần Minh P vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án xét xử vắng mặt đối với anh P theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về hôn nhân: Chị H và anh P chung sống vợ chồng từ năm 2009, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn vào ngày 22/8/2009 tại UBND Phường D, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh P được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Tuy nhiên, trong quá trình chung sống giữa chị H và anh P đã phát sinh nhiều mâu thuẫn như cãi nhau, có những lời lẽ xúc phạm nhau, có lúc đánh nhau; nguyên nhân là do cả hai không cảm thông, chia sẻ cho nhau trong công việc cũng như sinh hoạt gia đình, chăm sóc con. Chị H thì mong muốn anh P dành nhiều thời

gian gần gũi, quan tâm, chăm sóc vợ và các con; nhưng anh P đi làm ăn xa không giành nhiều thời gian cho gia đình, chăm sóc vợ con.

Chính vì không thấu hiểu, thông cảm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống nên đã làm cho tình cảm giữa vợ chồng ngày càng bị tổn thương, rạn nứt, không thể hàn gắn. Từ tháng 9/2019 chị H và anh P đã sống ly thân không quan tâm chăm sóc, lo lắng cho nhau đến nay.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án; Tòa án cũng đã động viên, hàn gắn tình cảm, đoàn tụ vợ chồng để cùng chăm lo cho các con, nhưng chị H vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn anh P.

Tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được...”*.

Tại phiên tòa, chị H xác định không còn tình cảm với anh P, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, cuộc sống hôn nhân với anh P không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được; chị H không thể tiếp tục chung sống với anh P; trường hợp Tòa án không cho ly hôn thì chị H cũng không chung sống với anh P. Chị H thiết tha yêu cầu được ly hôn anh P.

Về phía anh P: Không đồng ý ly hôn chị H, anh P cho rằng vẫn còn tình cảm với chị H; mâu thuẫn vợ chồng không có gì nghiêm trọng, nguyên nhân chủ yếu là về vấn đề kinh tế. Anh P mong muốn vợ chồng hàn gắn tình cảm, đoàn tụ chung sống với nhau để cùng chăm lo cho các con nhưng anh P cũng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm với chị H. Nếu anh P mong muốn hàn gắn tình cảm với chị H thì anh P đã sắp xếp công việc đến tham gia phiên hòa giải cũng như phiên tòa hôm nay. Ngoài ra, anh P thừa nhận là quá trình chung sống, ít dành thời gian quan tâm, lo lắng cho vợ và các con, vợ chồng có lúc đánh nhau.

Từ những phân tích trên cho thấy; tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh P đã không thể hàn gắn được, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã thực sự trầm trọng, vợ chồng không có sự thương yêu, quan tâm lẫn nhau. Nếu chị H và anh P đoàn tụ tiếp tục chung sống thì cũng không có hạnh phúc. Đồng thời, tại phiên tòa, chị H xác định là không còn tình cảm, không muốn hàn gắn, tiếp tục chung sống với anh P, cuộc sống hôn nhân với anh P không có hạnh phúc, chị H không thể tiếp tục chung sống với anh P. Trường hợp Tòa án không cho ly hôn thì chị H cũng cương quyết không sống chung với anh P. Do đó, xét thấy việc chị H yêu cầu được ly hôn anh P là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Khi ly hôn, chị H có yêu cầu được quyền nuôi 02 con chung tên Trần Vũ Phương N, sinh ngày 17/7/2013 và Trần Vũ Phương A, sinh ngày 07/01/2016; hiện hai con đang sống

chung với chị H. Chị H yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi cháu 2.000.000đồng/tháng. Về phía anh P cũng đồng ý giao 02 con chung cho chị H được quyền nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn. Anh P tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi cháu 2.000.000đồng/tháng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Yêu cầu của chị H, sự tự nguyện của anh P đồng ý cấp dưỡng và giao 02 con chung cho chị H được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của cháu Trần Vũ Phương N và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các cháu nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của anh P về nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn. Anh P được quyền tới lui thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Do chị H và P cùng xác định là không có, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn và cấp dưỡng nuôi con) theo quy định của pháp luật.

[4] Đối với ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 147 và Điều 228, 264, 271, 273, 278 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Ngọc H. Cho chị Lê Thị Ngọc H ly hôn anh Trần Minh P.

2. Về nuôi con chung: Chị Lê Thị Ngọc H được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con chung tên Trần Vũ Phương N, sinh ngày 17/7/2013 và Trần Vũ Phương A, sinh ngày 07/01/2016; hiện hai con đang sống chung với chị H.

- Anh Trần Minh P có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Trần Minh P tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi cháu 2.000.000đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Trần Vũ Phương N và Trần Vũ Phương A thành niên đủ 18 tuổi.

4. Về chia tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Lê Thị Ngọc H nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm (*về ly hôn*). Số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng, chị H đã nộp ngày 15/10/2020 theo biên lai thu số 0008427 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc được khấu trừ toàn bộ án phí phải nộp.

- Anh Trần Minh P nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm (*về cấp dưỡng nuôi con*) tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Minh P vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo luật định.

Nơi nhận:

- Tòa án Tỉnh;
- VKSND TP. Sa Đéc;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP. Sa Đéc;
- UBND Phường D, TP. S;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Phạm Văn Tuấn Em